

Bản án số: 28/2026/DS- ST
Ngày: 12/5/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Văn Long và bà Lê Thị Ngọc Phượng.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Hữu Công - Thư ký TAND khu vực 7 – Quảng Ngãi.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2026/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2026, về việc "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2026/QĐXXST-DS ngày 07/4/2026, giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S
Địa chỉ: Số B - B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh;
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trương Thị Thanh T;
Chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh K (Văn bản ủy quyền đề ngày 25/3/2026). Có mặt.
Địa chỉ: Số C T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.
- 2. Bị đơn:** Ông Bùi Phan Việt H, sinh năm 1995.
Địa chỉ: Số C T, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2026, Lờ khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 09/10/2024, ông Bùi Phan Việt H có ký kết với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh K Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông Bùi Phan Việt H, Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh K cấp hạn mức tín dụng số tiền là 40.000.000

đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất 2,77%/tháng, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông **Bùi Phan Việt H** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản cấp tín dụng thành nợ quá hạn.

Nay **Ngân hàng TMCP S** khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông **Bùi Phan Việt H** phải trả số tiền tính đến ngày 12/5/2026 tổng cộng là 53.476.985 đồng (*Năm mươi ba triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi lăm đồng*). Trong đó, nợ gốc là 45.113.094 đồng, lãi quá hạn là 8.363.891 đồng và toàn bộ lãi suất phát sinh cho đến khi **H** thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Về án phí: Yêu cầu bị đơn ông **Bùi Phan Việt H** phải chịu.

Bị đơn ông **Bùi Phan Việt H** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng do bị đơn ông **Bùi Phan Việt H** vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Bị đơn ông **Bùi Phan Việt H** cư trú tại **số C T, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi**, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Quảng Ngãi.

Bị đơn ông **Bùi Phan Việt H** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025), Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Vào ngày 09/10/2024, ông **Bùi Phan Việt H** có ký kết với **Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh K** Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông **Bùi Phan Việt H**, **Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh K** cấp hạn mức tín dụng số tiền là 40.000.000

đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất 2,77%/tháng, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Xét thấy việc ký kết hợp đồng tín dụng thể hiện ý chí của các các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định tại 102 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 117, Điều 385, Điều 463 Bộ luật dân sự, nên Hợp đồng tín dụng trên có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông **Bùi Phan Việt H** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ về tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận giữa hai bên theo quy định tại các Điều 280 và 466 Bộ luật Dân sự.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP S** buộc ông **Bùi Phan Việt H** phải trả số tiền tính đến ngày 12/5/2026 tổng cộng là 53.476.985 đồng (*Năm mươi ba triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi lăm đồng*). Trong đó, nợ gốc là 45.113.094 đồng, lãi quá hạn là 8.363.891 đồng và toàn bộ lãi suất phát sinh cho đến khi **H** thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký với **N** có căn cứ pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn ông **Bùi Phan Việt H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Căn cứ Điều 117, Điều 280, Điều 385, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP S**.

Buộc ông **Bùi Phan Việt H** phải trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền tính đến ngày 12/5/2026 tổng cộng là 53.476.985 đồng (*Năm mươi ba triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi lăm đồng*). Trong đó, nợ gốc là 45.113.094 đồng, lãi quá hạn là 8.363.891 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có sự thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông **Bùi Phan Việt H** phải chịu 2.673.000 đồng (*Hai triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền 514.939 đồng (*Năm trăm mười bốn nghìn, chín trăm ba mươi chín đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000534 ngày 03/02/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Quảng Ngãi.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (*ngày 12 tháng 5 năm 2026*) nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Khu vực 7;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương

